

# Nghiên cứu tiết Thường tân và các tiết lễ liên quan

Đào Phương Chi\*

Nhận ngày 05 tháng 7 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 9 năm 2024.

**Tóm tắt:** Thường tân (嘗新) là lễ tiết tế thần để cảm ơn thần đã ban cho thóc lúa. Khi nông nghiệp còn chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế, đây là lễ tiết rất phổ biến trong làng xã. Ghi chép sớm nhất bằng chữ quốc ngữ về Thường tân là một số sách báo đầu thế kỷ XX, và đến gần đây, vẫn có những nghiên cứu đề cập tới lễ tiết này. Tuy nhiên, khi đối chiếu những ghi chép kể trên với các thông tin trong các văn bản tục lệ Hán Nôm, thì thấy có khá nhiều điểm khác biệt. Bài viết này sẽ từ thông tin trong văn bản tục lệ Hán Nôm để nghiên cứu tiết Thường tân và những lễ tiết có liên quan trong lịch sử ở các phương diện: thời điểm tổ chức, mối quan hệ của tên tiết lễ với tháng tổ chức lễ tiết; khái niệm “Thường tân/Thường tiên”, “Com mới”, “Xôi mới”, “Trùng thập”; số lần tổ chức lễ tiết trong năm v.v..., nhằm bổ sung cho những ghi chép của người đi trước, giúp người đọc có một cái nhìn hệ thống và xác đáng hơn về lễ tiết này.

**Từ khoá:** Thường tân (嘗新), Thường tiên (嘗鮮), Com mới, Xôi mới, Trùng thập (重十).

**Phân loại ngành:** Văn hoá

**Abstract:** Thường Tân (嘗新) is a ceremony to thank the gods for giving rice. When agriculture still occupied a leading position in the economy, it was a very popular ceremony in villages. The earliest records written in the national language about Thường Tân were a number of books and newspapers in the early 20<sup>th</sup> century, and until recently, there have still been studies mentioning this ceremony. However, when comparing the above-mentioned records with information in Sino-Vietnamese customary documents, we see many discrepancies. This article use information in Sino-Vietnamese customary documents to study Thường Tân festival and other related festivals in the history according to the following aspects: the time of organization, the relationship between the name of the ceremony and the month in which the ceremony takes place; the concepts of "Thường Tân/Thường Tiên", "Com Mới", "Xôi Mới", "Trùng Thập"; the number of times the ceremony takes place in a year, etc., to amend the records of predecessors, helping readers have a more accurate and systematic view of this ceremony.

**Keywords:** Thường Tân, Thường Tiên, Com Mới, Xôi Mới [ceremony worshipping in the temple with productions from new crops], Trùng Thập.

**Subject classification:** Culture

## 1. Mở đầu

*Thường tân* là lễ tiết có nguồn gốc từ Trung Quốc. Lễ tiết này được *Trung văn đại từ điển* định nghĩa như sau: "Thời cô, khi ăn thức mới thu hoạch, thiên tử trước tiên đem dâng tống miếu, gọi là Thường tân<sup>1</sup>" (Trung văn Đại từ điển Biên soạn Ủy viên hội, 1973: 2731). Về sau, dân gian theo lễ này, rồi cùng với sự truyền bá văn hóa Hán, *Thường tân* cũng truyền vào Việt Nam và trở thành một trong những hoạt động tế tự phổ biến ở các làng xã, đồng thời, ngoài *Thường tân*, còn thấy xuất hiện nhiều tên gọi khác như: *Thường tiên*, *Com mới*, *Xôi mới*... Hiện nay, nghi lễ này vẫn còn lác đác ở một số vùng, và như sự tìm hiểu của chúng

\* Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: phuongchivn@gmail.com

<sup>1</sup> Thường tân: [mời thần] ném [lúa] mới.

tôi, ở nhiều nơi người ta vẫn dâng lễ *Thường tân* lên ban thờ tổ tiên (ví dụ như một số gia đình ở làng Công Xuyên huyện Phú Xuyên TP. Hà Nội chẳng hạn)<sup>2</sup>. Nghiên cứu này sẽ đi theo tuyến từ những ghi chép sớm nhất trong sách báo là vào đầu thế kỷ XX, rồi lại tìm về những thông tin hữu quan trong các văn bản tục lệ Hán Nôm từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX<sup>3</sup> để tìm hiểu về lễ tiết nói trên. Phương pháp chủ đạo được chọn dùng trong bài viết là thống kê, điền dã (trong thời gian từ 2021-2024 tại thôn Tiên Lệ xã Tiên Yên huyện Hoài Đức; làng Thị Cẩm phường Phương Canh quận Nam Từ Liêm; làng Đa Phúc xã Sài Sơn huyện Quốc Oai; làng Công Xuyên xã Nghiêm Xuyên huyện Thường Tín... TP. Hà Nội)<sup>4</sup>.

## 2. Ghi chép về lễ Thường tân và các lễ tiết có liên quan trong sách báo đầu thế kỷ 20

Lễ Thường tân ở Việt Nam được các học giả ghi chép như sau:

“Thường tân là tết com mới. Dân làng có lệ tế ông Thần-Nông hay ông Hậu-Tác là các vị đã dựng ra sự cấy cấy, để tỏ lòng nhớ ơn. Các tư-gia cũng làm com mới để cúng gia tiên” (Hà Mai-Anh, 1938: 18).

“Mùng 10 tháng Mười là Tết Trùng thập. Tết ấy phần nhiều là các nhà đồng cốt và nhà thầy thuốc mới ăn thôi. Nhưng về nhà quê cũng nhiều nơi ăn, có nơi ăn to lắm, như ở về vùng phủ Hoài thì làm bánh dày, nấu chè kho, trước cúng thần, cúng gia tiên, rồi đem biếu những kẻ quen người thuộc.

Các nhà đồng cốt và nhà thầy thuốc thì thu lễ thu tiền mà ăn Tết, một là để cung cấp, hai là để khoản đãi các đệ tử và các bạn hàng. Ở vùng Thanh Trì thì lại ăn Tết Trùng thập về ngày 21 tháng Mười. Đại để nhà quê là vì việc gặt hái đã xong, nhớ đến công tiên nông mà cúng tế, và yên ủi cho sự khó nhọc một ngày. Còn phần nhiều thì cúng gia tiên mà thôi” (Phan Kế Bính, 1990: 52). “Tháng mười gặt hái xong xuôi, là tháng rồi, có nơi mấy nhà đồng cốt và nhà thầy thuốc, bày ra cúng lễ, cũng gọi là tết com mới, để khoản đãi các đệ tử, các khách hàng, thêm tình thân mật; khoản đãi mà không tốn kém thua thiệt vì khách đến đều mang lễ vật tiền bạc. Đất đồng chiêm, gặt hái vụ tháng tết năm, không ăn tết này nhưng cũng không ăn tết com mới gạo chiêm, vì tháng năm đã có tết Đoan ngo, nên người ta đã tinh giảm” (Nhật Thanh, 1992: 315).

“Lễ Thường Tân, còn gọi là lễ Com Mới, vào tháng Chín” (Toan Ánh, 1991: 166).

Vũ Duy Mên khẳng định: “Lễ Thường tân - mừng com mới diễn ra vào ngày 18 tháng Chín” (Vũ Duy Mên, 2019: 221).

Bùi Xuân Đỉnh thì cho biết “Thường tân” “gồm lễ Com mới (đối với lúa tẻ) và lễ Xôi mới (đối với lúa nếp)”. [...] thường tiến hành vào ngày mùng 10 tháng Mười, các làng đồng chiêm tiến hành vào mùng 5 tháng Năm (gọi là lễ Treo hái). Vào dịp này, các gia đình đều làm mâm cỗ với com, xôi gạo mới để cúng gia tiên” (Bùi Xuân Đỉnh, 2021: 648).

Ở mục “Tết mùng 10 tháng Mười”, họ Bùi lại cho biết tết này còn được gọi là “Tết Trùng thập, Tết Com mới”:

“Kết thúc vụ gặt, các gia đình đều làm lễ com mới để dâng lên tổ tiên, thần Nông, các làng sửa lễ tạ thần Nông và thành hoàng. Nếu ở làng đồng chiêm, lễ com mới diễn ra vào ngày mùng 5 tháng Năm, thì ở các làng đồng mùa, lại được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng Mười (còn gọi là Tết Trùng thập); song cũng có những làng tiến hành muộn hơn, như ở vùng Thanh Trì (nay thuộc huyện Thanh Trì và quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội) lại ăn tết vào ngày 31 tháng Mười. Ở miền núi phía Bắc, người Tày, người Nùng và nhiều tộc người vùng

<sup>2</sup> Thông tin cá nhân (phỏng vấn ông Nguyễn Văn Sáng, người làng Công Xuyên xã Nghiêm Xuyên huyện Thường Tín TP. Hà Nội, năm 2021).

<sup>3</sup> Chỉ có các văn bản từ thế kỷ XIX đến XX là do trong khi tìm hiểu, một cách ngẫu nhiên, những văn bản tục lệ có quy định về lễ Thường tân và các lễ tiết hữu quan mà chúng tôi tiếp xúc được đều nằm trong thời gian định bản như trên.

<sup>4</sup> Những làng xã này xưa thuộc tỉnh Hà Đông, nay đều thuộc các quận huyện của thành phố Hà Nội.

Đông Bắc cũng tổ chức cúng cơm mới rất to vào ngày mùng 10 tháng Mười; với các tộc người vùng Tây Bắc thì khi nào gặt xong, thóc lúa thu vào kho an toàn thì làm lễ cơm mới, mừng vụ thu hoạch, cúng hồn lúa và tạ ơn tổ tiên, không nhất thiết chọn ngày. Trong Tết mùng 10 tháng Mười các gia đình sửa lễ mặn, có thể làm thêm các loại bánh (bánh giầy), cốm để cúng gia tiên. Các làng làm lễ Thường tân, cúng (hoặc tế) tạ ơn thành hoàng (tại đình), thần Nông (tại đàn Tiên Nông), quy mô to, nhỏ tùy tập tục từng làng, để cầu mong vụ tới được mưa thuận gió hòa, phong đăng hòa cốc. Lễ Thường tân gồm lễ cơm mới (đối với lúa tẻ) và xôi mới (đối với lúa nếp)” (Bùi Xuân Đính, 2021: 810).

Như vậy, qua hai mục từ trên, Bùi Xuân Đính vừa đồng nhất “Thường tân” với “Trùng thập” và “Cơm mới”, vừa khẳng định “Thường tân” bao gồm “Cơm mới” và “Xôi mới”.

Tổng hợp nhận định của năm tác giả, có thể thấy, về khái niệm, Hà Mai-Anh, Nhật Thanh, Toan Ánh, Vũ Duy Mèn đều đồng nhất “Thường tân” và “Cơm mới”. Bùi Xuân Đính có lúc đồng nhất “Thường tân” với “Trùng thập” và “Cơm mới” (Bùi Xuân Đính, 2021: 810), có lúc khẳng định Thường tân gồm “Cơm mới”, “Xôi mới” (Bùi Xuân Đính, 2021: 648) - có nghĩa là “Cơm mới” chỉ là một bộ phận của “Thường tân”. Trong khi đó, cũng nhắc tới tiết Trùng thập, nhưng Toan Ánh không cho rằng tiết này có liên hệ gì với “Cơm mới” hay “Thường tân”<sup>5</sup>.

Về số tiết và thời điểm tổ chức, Nhật Thanh khẳng định lễ *Thường tân - Cơm mới* chỉ tổ chức vào tháng Mười<sup>6</sup>, tháng Năm không có, vì đã có tiết *Đoan Ngộ* rồi; Toan Ánh thì ghi rằng được làm vào tháng Chín; Bùi Xuân Đính lại nhận định “các làng đồng chiêm tiến hành vào mùng 5 tháng Năm (gọi là lễ Treo hái)”, “các làng đồng mùa [...] tổ chức vào ngày mùng 10 tháng Mười (còn gọi là Tết Trùng thập)” hoặc muộn hơn, cũng có nơi không cần xem ngày”; Vũ Duy Mèn khẳng định *Thường tân* được tổ chức 1 lần, vào ngày 18 tháng Chín.

Có thể thấy, cùng là khu vực phía Bắc Việt Nam, nhưng chỉ xét về khái niệm và thời điểm tổ chức, đã thấy có sự khác biệt không nhỏ. Đây cũng chủ yếu là kết luận sau khi các tác giả điền dã tại địa phương. Nếu không chỉ dừng lại ở điền dã, mà mở rộng tới việc khảo sát các văn bản tục lệ, sẽ có nhiều khác biệt nữa, mà dưới đây là những dẫn chứng.

### 3. Ghi chép về lễ Thường tân và những lễ tiết có liên quan trong các văn bản tục lệ Hán Nôm

Chúng ta đều biết rằng tục lệ trong làng xã vô cùng phong phú đa dạng, với đặc trưng “trống làng nào làng ấy đánh, Thánh làng nào làng ấy thờ”. Những ghi nhận của các tác giả kể trên đều là kết luận sau sự trải nghiệm cá nhân, mà dù phong phú đến đâu, cũng không thể bao quát được hết toàn bộ các làng xã ở miền Bắc Việt Nam. Những thông tin từ các văn bản tục lệ mà chúng tôi ghi nhận được trong quá trình nghiên cứu đã cho thấy điều đó một cách khá rõ rệt. Qua khảo sát, chúng tôi đã tìm thấy 59 văn bản có đề cập đến tên các lễ tiết này, với những thông tin như ở bảng 1.

Bảng 1: Tên gọi và thời gian tổ chức lễ tiết

| Làng        | Thời gian tổ chức       | Tên gọi của lễ tiết |                |                   |                    |                   |
|-------------|-------------------------|---------------------|----------------|-------------------|--------------------|-------------------|
|             |                         | <i>Cơm mới</i>      | <i>Xôi mới</i> | <i>Thường tân</i> | <i>Thường tiên</i> | <i>Trùng thập</i> |
| Sơn Đồng    |                         |                     | 1              | 1                 |                    | 1                 |
| Thụy Phương |                         | 1                   | 1              |                   |                    | 1                 |
| Yên Sở      | Tháng Chín <sup>7</sup> |                     | 1              |                   |                    | 1                 |
| Long Trung  |                         |                     |                | 1                 |                    |                   |
| Trù Mật 1   |                         |                     |                | 1                 |                    |                   |

<sup>5</sup> “Lễ Trùng Thập, ngày mùng mười tháng Mười” (Toan Ánh, 1991: 166).

<sup>6</sup> Các ngày tháng trong bài viết này đều tính theo âm lịch.

<sup>7</sup> Các tháng thống kê ở đây chỉ liên quan đến các tiết lễ ngoài *Trùng thập*, bởi “Trùng thập” có nghĩa là “mùng 10 tháng Mười”, nên đương nhiên sẽ được tổ chức vào tháng Mười, không cần ghi tháng.

|                  |  |   |            |   |   |
|------------------|--|---|------------|---|---|
| Bạch Liên        | 10 tháng Chín                            |   |            | 1 |   |
| Đồng Quan        |  |   |            | 1 |   |
| Lai Xá           |  |   |            | 1 |   |
| Giang Xá         |  |   |            | 1 |   |
| Sơn Tượng        |  |   |            | 1 |   |
| Tiền Lê          | Tháng Chín + tháng Mười một <sup>8</sup> |   |            | 1 | 1 |
| Thôn Vực         | Tháng Tư                                 |   |            | 1 |   |
| Thịnh Đức Thượng |  |   |            | 1 |   |
| Hạ/44 - 1        |  |   |            | 1 |   |
| Thượng/46        | Tháng Tư hoặc tháng Năm <sup>9</sup>     |   |            | 1 |   |
| Từ Thuận         | Tháng Năm                                |   |            | 1 |   |
| Thượng/280       |  |   |            | 1 |   |
| Trung Văn        |  |   |            | 1 |   |
| Thượng/513       |  | 1 | 1          |   | 1 |
| Đa Sĩ            |  |   |            | 1 |   |
| Đàn Viên         |  |   |            | 1 |   |
| Thọ Vực          |  |   |            | 1 |   |
|                  | Tháng Chín                               |   |            | 1 |   |
| Phương Bảng/149  | Tháng Tám (3 buổi)                       | 1 |            |   |   |
|                  | Tháng Mười                               |   | 1 (2 buổi) |   |   |
| Cổ Châu          |  |   |            | 1 |   |
| Lưu Xá           | Tháng Tư                                 |   |            | 1 |   |
| Huỳnh Cung/614   | 3 tháng Chín ngày 1                      |   |            | 1 |   |
| Dương Liễu/142   | ngày 2                                   | 1 | 1 (4 ngày) | 1 |   |
|                  | ngày 3                                   |   |            |   |   |
|                  | ngày 4                                   |   |            |   |   |
| La Dương         |  |   | 1          | 1 |   |
|                  |  | 1 |            |   |   |
|                  | Tháng Bảy                                | 1 |            |   |   |
| Mậu Hòa          | Tháng Tư                                 |   | 1          |   |   |
|                  | Tháng Chín                               |   | 1          |   |   |
| Phương Viên/150  |  |   | 1          |   |   |
| Tự Liệt          |  |   |            | 1 |   |
|                  | Mùng 10 tháng Mười                       |   |            | 1 |   |
| Thọ Lão          | Mùng 10 tháng Chín                       | 1 |            |   |   |
| Thanh Điềm/182   | Tháng Chín                               |   | 1          | 1 |   |
| Văn Phú          |  |   |            | 1 |   |
| Hạ/284           |  |   |            | 1 |   |
| Dương Liễu/2/11  |  | 1 | 1          | 1 |   |
| Viên Hoàng       | Tháng Tư                                 |   |            | 1 |   |
| Khai Thái        |  |   |            | 1 |   |
| Tri Lễ           |  |   |            | 1 |   |

<sup>8</sup> Dân gian xưa gọi tháng Mười một âm lịch là tháng Một. Nhưng vì nguyên văn ghi tháng Mười một, nên chúng tôi tôn trọng và ghi đúng theo cách dùng của tiên nhân.

<sup>9</sup> Điều khoản sau lại ghi là tháng Tư.

|                     |                     |    |    |    |   |   |
|---------------------|---------------------|----|----|----|---|---|
| Ứng Hòa/352         | Tháng Năm           |    |    | 1  |   |   |
| Vĩnh Thị            |                     | 1  |    | 1  |   | 1 |
| Thượng/2/50         | Tháng Mười một      |    |    | 1  |   |   |
| Động Phí 3          | Tháng Mười một      |    |    |    | 1 |   |
| Yên Duyên/2/100 - 1 | 2 kỳ hạ đông        |    |    | 1  |   |   |
| Nguyễn Xá           |                     |    |    |    | 1 |   |
| Huỳnh Cung/2/80     | Tháng Chín (2 ngày) |    |    | 1  |   |   |
| Dư Dụ               |                     |    |    |    |   |   |
| Thanh Liệt          |                     |    |    | 1  |   |   |
| Đông Nhân           | 3 tháng Chín        |    |    | 1  |   |   |
| Khuyến Lương        |                     |    |    | 1  |   |   |
| Nam Dư Thượng       | Tháng Năm           | 1  |    |    |   |   |
|                     | 9 tháng Chín        | 1  |    |    |   |   |
| Thanh Trì           | Tháng Chín          |    |    | 1  |   |   |
| Giáp Lục 1          |                     |    | 1  |    |   |   |
| Hạ Trì              |                     |    |    | 1  |   |   |
| Đại Cát 1           |                     |    |    | 1  |   |   |
| Hoàng Xá 2          | Tháng Mười (4 ngày) |    |    | 1  |   |   |
| Phú Gia             | Tháng Tám           |    |    | 1  |   |   |
| Quán La             | Tháng Tám           |    |    | 1  |   |   |
| Hoàng Xá 3          |                     |    |    |    |   | 1 |
| Tổng cộng           |                     | 11 | 13 | 48 | 2 | 7 |

*Nguồn:* Tác giả tổng hợp

Trên cơ sở thống kê, ta sẽ tìm hiểu xem Thường tân/Thường tiên, Cơm mới, Xôi mới có phải là lễ tiết giống như thông tin ở các sách báo và công trình nghiên cứu được trích dẫn ở trên hay không.

#### **4. Phác họa diện mạo lễ Thường tân và những lễ tiết có liên quan trong làng xã qua thông tin từ các văn bản**

\* *Về thời điểm tổ chức*, trước tiên, xin nhắc lại nhận định của các ghi chép sớm nhất trong sách báo, mà theo như sự tìm hiểu của chúng tôi, là vào khoảng đầu thế kỷ XX cho đến nay:

Nhật Thanh: Thường tân - Cơm mới chỉ tổ chức vào tháng 10, tháng Năm không có, vì đã có tiết Đoan Ngọ rồi.

Toan Ảnh: tháng Chín.

Vũ Duy Mên: ngày 18 tháng Chín.

Bùi Xuân Đình: mùng 5 tháng Năm (gọi là lễ Treo hái) và mùng 10 tháng Mười (hoặc muộn hơn, hoặc không cần xem ngày).

Tuy nhiên, thống kê trên cho thấy, Thường tân/Xôi Mới/Cơm mới không chỉ được tổ chức vào tháng Năm, Chín, Mười, mà còn được xuất hiện vào các tháng Tư, Bảy, Tám, Mười một, với số lượng làng/văn bản như sau:

Tháng Tư: 5 làng

Tháng Năm: 4

Tháng Bảy: 1

Tháng Tám: 3

Tháng Chín: 12

Tháng Mười: 12 (Xôi mới + Thường tân: 6 làng; Trùng thập: 7 làng)

Tháng Mười một: 3

Về số tháng là thể, còn ngày cũng rất phong phú. Đơn cử những lễ Thường tân được tổ chức vào tháng Chín, có 3 làng đáp ứng được yêu cầu vừa tổ chức vào tháng Chín vừa có

quy định ngày là Bạch Liên, Huỳnh Cung/2/80 và Đông Nhân, nhưng không làng nào định vào ngày 18 như nhận định của Vũ Duy Mên: “Mùng 10 tháng 9, lễ Thường tân” (Bạch Liên, 1921: 18b); “mùng 3 tháng 9 Thường tân” (Huỳnh Cung/2/80, 1908: 6a); “Lễ Thường tân ngày mùng 3 tháng 9” (Đông Nhân, 1910: 1b)...

\* Về mối quan hệ của tên tiết lễ với tháng tổ chức (chỉ biết được thông tin ở những bản có ghi thời gian tổ chức), ta có:

Com mới: tháng Năm, Bảy, Tám, Chín (2 làng)<sup>10</sup>

Xôi mới: tháng Tư, Chín (3), Mười

Thường tân: tháng Tư (4), Năm (3), Tám (2), Chín (9), Mười (2), Mười một (2); 2 kỳ Hạ, Đông

Thường tiên: tháng Mười một

Trùng thập: tháng Mười (7)

Cần lưu ý là, như dưới đây sẽ trình bày, *Trùng thập* là lễ tiết không được nhiều làng gộp với *Thường tân*, nên đa số trường hợp không liên quan đến cái tiết lễ mà người ta dâng lúa mới/sản vật chế biến từ lúa mới lên thần linh giống như *Thường tân*, *Com mới*, *Xôi mới*, bởi vậy, sự thống kê ở đây chỉ nhằm để phục vụ cho việc tìm hiểu xem *Trùng thập* có phải luôn được đồng nhất với *Thường tân* như nhận định của một số người đi trước hay không mà thôi.

Có thể thấy, không kể *Trùng thập*, thì cái tên hay gặp nhất là *Thường tân*, với 6 thời điểm tổ chức - trừ trường hợp chỉ ghi “2 kỳ Hạ, Đông”, nên không xác định được. Thứ hai là *Com mới* (4 thời điểm). Tiếp theo là *Xôi mới* (3 thời điểm). Cuối cùng là *Thường tiên* (1 thời điểm).

*Thường tân/Xôi mới/Com mới* là lễ tiết nhằm “báo cáo”/cảm tạ thần linh (thường là Thần Nông) rằng nhờ ơn Thần phù hộ, ruộng lúa của người nông dân đã cho những bông lúa chín đầu tiên. Ở lễ tiết này, “làng” sẽ chọn ở những khoảng ruộng chín trước tiên, để cắt lúa về, dâng lên Thần. Ai qua thời học sinh trong thế kỷ 20 chắc hẳn còn nhớ câu đố trong sách giáo khoa: “Cây gì nhỏ nhỏ, Hạt nó nuôi người. Tháng năm tháng mười, Cả làng đi gặt?”. Tháng Năm, tháng Mười là thời điểm lúa chín rộ của hai vụ *chiêm* và *mùa*. Bởi vậy, những cây lúa chín sớm nhiều khả năng sẽ chín từ tháng Tư, tháng Chín và cũng dễ lý giải khi số làng quy định cử hành những lễ tiết này vào hai tháng đó cũng không ít, thậm chí, ở vụ chiêm, số làng quy định tháng Tư còn nhiều hơn số làng quy định tháng Năm (lần lượt là 5 và 4), còn ở vụ mùa, số làng quy định vào tháng Chín bằng số làng quy định vào tháng Mười. Tuy nhiên, có 7 trường hợp cho thấy thời điểm tổ chức lễ Com mới và Thường tân/Thường tiên lại không đúng với vụ thu hoạch thông thường. Đó là những trường hợp sau:

Com mới: tháng Bảy (Mậu Hoà), Tám (Phương Bảng/149).

Thường tân: tháng Tám (Phú Gia, Quán La), Mười một (Thượng/2/50, Tiền Lệ).

Thường tiên: tháng Mười một (Động Phí 3).

Trong 3 tháng trên, thì tháng Tám, theo PGS.TS. Bùi Xuân Đỉnh (2021), “thường từ sau Rằm, có lúa *ba giăng* (cây từ mùng 5 tháng Năm) chín, nên có làng làm lễ cúng Com mới”<sup>11</sup>. Hai thời điểm tổ chức là tháng Bảy và Mười một vẫn chưa thể biết được nguyên nhân. Một điều đáng lưu ý là Mậu Hoà và Phương Bảng đều thuộc huyện Đan Phượng, tức là có chung điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng. Theo *Đông Khánh địa dư chí*, huyện Đan Phượng “mỗi năm hai vụ lúa chín. Nhiều ruộng vụ thu, ít ruộng vụ hè [...]. Lúa vụ thu thì tháng 4 gieo mạ, tháng 6 xuống cấy, tháng 10 thu hoạch. Lúa vụ hè thì tháng 10 gieo mạ, tháng giêng xuống cấy, tháng 5 thu hoạch” (Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin..., 2003: 922). Như vậy, thời điểm thu hoạch nằm trong lịch phổ biến, nhưng hai làng lại có quy định vào hai thời điểm khác nhau, trong đó, Phương Bảng/149, như đã nói ở trên, có thể do trồng lúa “ba giăng”, nên chín vào tháng Tám, còn thời điểm tổ chức vào tháng Bảy của Mậu Hoà thì hiện chưa tìm thấy câu trả lời. Do làng trồng giống lúa đặc biệt nào đó, nên vụ thu hoạch khác với thông thường chăng? Làng không trồng lúa, mà trồng hoa màu gì đó, nên không

<sup>10</sup> Những tháng không có ghi số trong ( ) có nghĩa là chỉ 1 làng quy định cho tiết đó.

<sup>11</sup> Thông tin phỏng vấn riêng của tác giả, ngày 29 tháng 5 năm 2024.

cùng vụ thu hoạch với lúa và dân làng dùng sản vật đó để cúng Thường tân chăng? Hay bởi điều gì khác? Do điều kiện cá nhân, hiện chúng tôi chưa có được thông tin để trả lời cho những câu hỏi trên. Hy vọng câu trả lời sẽ may mắn được tìm thấy trong tương lai.

\* *Quan niệm về tiết “Thường tân/Thường tiên” và các lễ tiết “Com mới”, “Xôi mới”, “Trùng thập”*

Như trên đã dẫn, có thể thấy, *Thường tân/Thường tiên*, *Com mới*, *Xôi mới*, *Trùng thập* được các tác giả quan niệm như sau:

- Đồng nhất *Thường tân* với *Com mới* (Hà Mai-Anh, Nhất Thanh, Toan Ánh, Vũ Duy Mền);
- Đồng nhất *Thường tân* với *Trùng thập* và *Com mới* (Bùi Xuân Đính).
- Thường tân gồm *Com mới*, *Xôi mới* (Bùi Xuân Đính).

So với những nhận định trên, các văn bản tục lệ có cung cấp thông tin gì khác biệt hay không?

Tuy có tới 58 văn bản đề cập tới các cái tên lễ tiết kia, nhưng để trả lời cho câu hỏi trên, cần tìm hiểu những văn bản có ghi hơn một cái tên, để có thể khẳng định những tên gọi khác nhau đó có phải luôn là nhiều cách gọi cho cùng một tiết lễ hay không, hoặc Thường tân có phải bao gồm Com mới và Xôi mới? Có 4 văn bản đáp ứng được tiêu chí này, gồm: Phương Bảng/149 (huyện Đan Phượng), Thọ Lão (huyện Đan Phượng), Sơn Đồng (huyện Đan Phượng), Thụy Phương (huyện Từ Liêm). Thông tin cụ thể như sau:

\* “Ngày 16 tháng 8, lễ *Com mới* lễ sớm mai”; “Ngày tháng chín lễ *Thường tân*”; “Ngày tháng mười *Xôi mới*” (Hương ước xã Phương Bảng/149, 1915: 42 và 43).

Như vậy, làng có cả 3 tiết, *Com mới*, *Thường tân*, *Xôi mới* vào 3 thời điểm khác nhau: tháng Tám, Chín và Mười. Và cũng có nghĩa là *Thường tân* không phải là lễ tiết bao gồm *Com mới* và *Xôi mới*.

\* “Ngày mùng 10 tháng Chín tiệc thánh tích lễ *Com mới*”; “Ngày mùng 10 tháng Mười *Thường tân*” (Hương ước xã Thọ Lão, 1916: 32 và 33).

Quy định này đã chứng tỏ rằng, tại đây, *Thường tân* được đồng nhất với *Trùng thập*; một năm làng tổ chức hai kỳ *Com mới* và *Thường tân*, vào tháng Chín và Mười và cũng có nghĩa là *Com mới* không phải là một bộ phận của *Thường tân*.

\* “[...] lễ *Thường tân* [...] thì mỗi thôn dùng thịt bò hoặc thịt lợn và xôi, trâu, rượu”; “[...] *Trùng thập* [...] mỗi thôn đều dùng lễ gà, xôi, trâu cau”; “Ngày *Xôi mới* tế ở trong đình xong rồi thì mỗi thôn đều dùng một cỗ chay và xôi, trâu cau, tế ở khu Tiên nông” (Lệ làng xã Sơn Đồng, 1913: 16b, 17<sup>a</sup> và 18<sup>a</sup>).

Ghi chép trên cho thấy *Thường tân* và *Trùng thập* là 2 lễ khác nhau, chứ không phải là một, nhưng từ nội dung trên, không thể khẳng định được *Xôi mới* có nằm trong *Thường tân* hay không. Ở đây cần nói thêm rằng, cũng để lý giải cho nhận định Thường tân là Trùng thập của Bùi Xuân Đính, bởi qua thông tin từ một số người dân mà quê họ hiện vẫn làm lễ Com mới thì, khá nhiều làng tổ chức lễ này vào mùng 10 tháng 10 (Trùng thập). Có điều, những nơi này không gọi là Thường tân, mà đều gọi Com mới<sup>12</sup>.

<sup>12</sup> Trong 5 thông tin thu thập được về lễ Com mới hiện nay ở một số làng xã thuộc tỉnh Hà Đông xưa (nay đều thuộc TP. Hà Nội), có tới 3 thông tin cho biết lễ Com mới được tổ chức vào mùng 10 tháng Mười, gồm: thôn Tiên Lệ xã Tiên Yên huyện Hoài Đức; làng Thị Cẩm phường Phương Canh quận Nam Từ Liêm; một số làng thuộc huyện Hoài Đức. Chỉ có 2 thông tin cho biết lễ này không tổ chức vào ngày cố định (làng Đa Phúc xã Sài Sơn huyện Quốc Oai tổ chức vào một ngày không cố định của vụ lúa mùa; làng Cống Xuyên xã Nghiêm Xuyên huyện Thường Tín tổ chức một năm hai lần vào hai vụ chiêm mùa). Đáng lưu ý là, như đã đề cập ở trên, theo văn bản tục lệ của xã Tiên Lệ (định bản năm 1910), một năm có 2 lễ Thường tân vào tháng 9 và tháng Mười một. Nhưng người làng lại cho biết, hiện nay, lễ này cũng được tổ chức 1 lần trong năm vào mùng 10 tháng Mười. Từ trường hợp xã Tiên Lệ, có thể thấy, ít nhất là từ đầu thế kỷ 20 đến nay, lễ Thường tân của làng cũng đã có sự thay đổi và sự thay đổi này có lẽ không chỉ diễn ra ở xã Tiên Lệ, mà còn ở nhiều làng xã khác, theo xu hướng ngày càng nhiều nơi tổ chức vào ngày mùng 10 tháng Mười âm lịch - như những thông tin phỏng vấn trên đây.

Các thông tin thượng dẫn được thu thập từ cụ Nguyễn Văn Lệ và ông Nguyễn Văn Huy (thôn Tiên Lệ); ông Bùi Vinh Thanh (làng Thị Cẩm); ông Phan Chiến (làng Đa Phúc); ông Nguyễn Văn Sáng (làng Cống Xuyên) - thông tin phỏng vấn cá nhân trong khoảng từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 6 năm 2024. Nhân đây, xin được gửi lời cảm ơn chân thành.

\* “Ngày *Thượng điền*, *Cơm mới*, *Xôi mới* xưa kia phiên lằm, nay xin hai<sup>13</sup> tiết ấy hợp một”; “Đình dân ta thờ Đức Thượng đẳng, xưa kia có lệ quốc tế, cho nên không thiếu lễ gì, như là tế Xuân và Thanh minh, Đoan ngo, Trung nguyên, Trung thu, Trùng cửu, *Trùng thập* và ngày Chạp” (Phong tục xã Thụy Phương, 1915: 60b và 59a).

Ghi chép trên cho thấy *Thường tân* và *Trùng thập* là hai lễ khác nhau, vì Trùng thập nằm trong sự liệt kê các tiết thờ Đức Thượng đẳng. Các lễ này không bao gồm các tiết lễ nông nghiệp là *Thượng điền*, *Cơm mới*, *Xôi mới*; thông tin trong văn bản không đủ khẳng định *Cơm mới* và *Xôi mới* có được coi là hai bộ phận của lễ *Thường tân* hay không.

Tổng hợp lại những ghi chép trên, có thể kết luận về sự tương đồng và dị biệt của thông tin trong các văn bản so với nhận định trong sách báo như dưới đây (ký hiệu o là giống, x là khác; không có ký hiệu là thông tin không đủ để kết luận):

Bảng 2: Sự tương đồng và dị biệt giữa thông tin trong văn bản tục lệ và sách báo

|                 | ① Đồng nhất <i>Thường tân</i> với <i>Cơm mới</i> | ② Đồng nhất <i>Thường tân</i> với <i>Trùng thập</i> , <i>Cơm mới</i> | ③ Thường tân gồm <i>Cơm mới</i> và <i>Xôi mới</i> |
|-----------------|--|--|---|
| Phương Bảng/149 | x  |  |   |
| Thọ Lão         |  | x và o   | x   |
| Sơn Đồng        |  | x  |   |
| Thụy Phương     |  | x  |   |

*Nguồn:* Tác giả tổng hợp

Như vậy, cả ba nhận định nói trên đều không nhiều sự tương đồng trong quy định ở các làng xã. Trong 3 nhận định, chỉ nhận định số ② có 1 sự tương đồng một phần (Thọ Lão quy định lễ Thường tân vào ngày Trùng thập (mùng 10 tháng Mười - nhưng không phải lễ Cơm mới, vì lễ Cơm mới được làng tổ chức vào tháng Chín). Các nhận định còn lại thì chỉ có sự khác biệt, mà không có sự tương đồng nào.

\* *Về số lần tổ chức*, thông tin trong sách báo từ đầu thế kỷ XX đến nay như sau:

- 1 lần: tháng Mười (Nhất Thanh); tháng Chín (Toan Ánh); 18 tháng Chín (Vũ Duy Mền, 2019).
- 2 lần: tháng Năm (gọi là lễ Treo hái) và tháng Mười (Thường tân - Trùng thập - Cơm mới) - Bùi Xuân Đỉnh (2021).

Tuy nhiên, ít nhất cho đến nay đã có 3 văn bản tục lệ cho thấy *Thường tân* và các lễ tiết lễ hữu quan được nhiều nơi tổ chức tới 3 kỳ một năm (các làng Phương Bảng, Sơn Đồng, Thụy Phương đã dẫn ở trên). Ngoài ra, cũng có làng tổ chức 2 kỳ *Xôi mới* hoặc 2 kỳ *Cơm mới*: “Lễ tiến *Cơm mới* tháng 5 [...] Ngày mùng 9 tháng 9 hội Phụ lão các giáp sửa lễ dâng *Cơm mới*” (Nam Dư Thượng, 1909: 46a - 46b); “Tháng tư lễ *Xôi mới* chiêm [...] Tháng bảy lễ *Cơm mới* [...] Tháng chín lễ *Xôi mới*” (Mậu Hoà, 1910: 60, 64 và 65).

## 5. Kết luận

Qua thông tin từ các văn bản, có thể thấy, đúng như câu thành ngữ “trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ”, tính cục bộ khá cao trong các làng xã đã khiến cho phong tục làng xã Việt Nam trở nên vô cùng phong phú và thật khó tìm thấy trong thực tế hai làng nào có tục lệ giống nhau hoàn toàn. Với những gì rút ra từ việc khảo sát văn bản, có thể kết luận rằng, thực tế của *Thường tân* và các tiết lễ tương tự có sự khác biệt khá nhiều so với những ghi nhận trong sách báo - kết quả của công tác điền dã. Cụ thể là:

Về bản chất, Thường tân và các tiết lễ liên quan đều nhằm mục đích để người nông dân tạ ơn thần linh, nhưng ở các làng khác nhau, những tiết lễ này có thể có những “độ chênh” nhất định:

<sup>13</sup> Ở trên kê ra 3 tiết Thượng điền, Cơm mới, Xôi mới, nhưng ở đây lại chép là “hai”. Có lẽ nhầm.

*Thời điểm tổ chức*: không chỉ được tổ chức vào tháng Năm, Chín, Mười, mà còn có ở các tháng Tư, Bảy, Tám, Mười một.

*Quan niệm về “Thường tân/Thường tiên”, “Com mới”, “Xôi mới”, “Trùng thập”*: tùy từng làng, mà *Thường tân* không phải lúc nào cũng là tiết lễ đồng nhất với *Com mới*, cũng không đồng nhất với *Trùng thập*; *Thường tân* cũng không phải luôn bao gồm *Com mới*, *Xôi mới*, mà ở nhiều nơi, đó là ba tiết lễ khác nhau.

*Số lần tổ chức*: Thường tân và các tiết lễ tương tự không chỉ được tổ chức một năm hai lần vào tháng Năm, tháng Mười, mà còn có thể tổ chức 3 lần, vào các thời điểm khác nhau, với những tên gọi khác hoặc giống nhau.

Ngoài ra, quy định về Thường tân - cũng như nhiều quy định với nội dung khác - tùy vào tình hình thực tế, có thể thay đổi và thường là theo chiều hướng giản tiện hoá, nhất là trong thực tế người dân ngày càng ít gắn bó/ phụ thuộc vào nông nghiệp như ngày nay.

Với đặc thù công việc, điền dã không phải là thế mạnh của mọi nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, kết quả ở trên cho thấy, bên cạnh điền dã - phương pháp cơ bản của nghiên cứu dân tộc học, để tìm hiểu về những gì đang diễn ra, hoặc những tục không còn được duy trì, nhưng còn có người nhớ được - một hoạt động đã đem lại những thông tin khả tín và thú vị cho các nhà nghiên cứu, thì khảo sát văn bản Hán Nôm - những tư liệu lưu lại từ quá vãng - nơi ẩn chứa nhiều thông tin không thể được biết đến nếu chỉ dựa vào công tác điền dã, sẽ có tác dụng tham chiếu khá rõ nét. Nếu kết hợp kết quả điền dã và kết quả qua khảo sát văn bản, sẽ có thể cung cấp cho học giới góc nhìn rộng mở, đa chiều hơn.

### **Tài liệu tham khảo**

Bản sao phong tục xã La Dương tổng An Lũng (huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông), định bản năm 1914, ký hiệu HUN277 - gọi tắt là La Dương.

Bùi Xuân Đỉnh. (2021). *Bách khoa thư Làng Việt cổ truyền*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.

Đan Phượng Mậu Hòa xã cải lương phong tục, định bản năm 1910, ký hiệu HUN145 - gọi tắt là Mậu Hòa.

Điều lệ xã Tựu Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, định bản năm 1916, ký hiệu HUN631, gọi tắt là Tựu Liệt.

Hà Mai-Anh. (1938). *Công-dân giáo-dục (Luân lý, Lễ nghi, Phong tục, Chính trị, Từ hàn)*. Nam Định: Nhà in My-Thang.

Hương ước làng Trung Văn xã Ngọc Trục tổng Đại Mỗ huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1917, ký hiệu HUN285 - gọi tắt là Trung Văn.

Hương ước thôn Thọ Vực xã Nghĩa Lộ (làng Thọ Vực xã Nghĩa Lộ tổng La Nội phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông), định bản năm 1915, ký hiệu HUN312 - gọi tắt là Thọ Vực.

Hương ước thôn Hạ xã Mỹ Trì tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1917, ký hiệu HUN284 - gọi tắt là Hạ/284.

Hương ước xã Phương Viên huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, ký hiệu HUN150 - gọi tắt là Phương Viên.

Hương ước xã Thọ Lão tổng Thọ Lão huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, định bản năm 1916, ký hiệu HUN183 - gọi tắt là Thọ Lão.

Hương ước xã Đa Sĩ tổng Thượng Thanh Oai phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông, năm định bản 1915, ký hiệu HUN468 - gọi tắt là Đa Sĩ.

Hương ước xã Đan Viên tổng Đồng Dương phủ Thanh Oai tỉnh Hà Đông, năm định bản 1916 và 1917, ký hiệu HUN339 - gọi tắt là Đan Viên.

Hương ước xã Phương Bảng tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, định bản năm 1915, ký hiệu HUN149 - gọi tắt là Phương Bảng/149.

Hương ước xã Cổ Châu tổng Mĩ Lâm huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, năm định bản 1917, ký hiệu, HUN535 - gọi tắt là Cổ Châu.

Hương ước xã Huỳnh Cung tổng Cổ Diển huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, định bản năm 1918, ký hiệu HUN614 - gọi tắt là Huỳnh Cung/614.

Hương ước xã Bạch Liên phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, định bản năm 1921, ký hiệu HUN417, gọi tắt là Bạch Liên.

Hương ước xã Đồng Quan phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, định bản năm 1921, ký hiệu HUN421 - gọi tắt là Đồng Quan.

Khoán lệ thôn Nguyên Xá xã Phúc Diển tổng Cổ Nhuế huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1850, ký hiệu AF.a2/55 - gọi tắt là Nguyên Xá.

Khoán lệ xã Động Phí tổng Đạo Tú huyện Sơn Lãng phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông, không niên đại, ký hiệu AF.a2/49 - gọi tắt là Động Phí 3.

Khoán lệ xã Yên Duyên tổng Tín Yên huyện Thượng Phúc phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, định bản năm 1874, ký hiệu AF.a2/100 - gọi tắt là Yên Duyên/2/100 - 1.

Khoán ước thôn Thượng xã Phù Lưu tổng Phù Lưu Thượng huyện Sơn Lãng tỉnh Hà Đông, định bản năm 1860, sao năm 1922, ký hiệu AF.a2/50 - gọi tắt là Thượng/2/50.

Lê làng xã Sơn Đồng, định bản năm 1913, ký hiệu AF.a2/22 - gọi tắt là Sơn Đồng.

Lê ngõ Long Trung, định bản năm 1906, ký hiệu A.726 - gọi tắt là Long Trung.

Lê ngõ Trù Mật, định bản năm 1887, ký hiệu A.717 - gọi tắt là Trù Mật 1.

Ngô Đức Thọ và cộng sự ... (2003). *Đông Khánh Địa dư chí*. t.1, Nxb. Thế giới.

Nhất Thanh. (1968). *Đất lề quê thói*. Nxb. Đại Nam.

Phan Kế Bính. (1990). *Việt Nam phong tục*. Nxb. Đồng Tháp.

Phong tục cải lương xã Mậu Hòa huyện Đan Phượng, định bản năm 1910, ký hiệu HUN145 - gọi tắt là Mậu Hòa.

Phong tục chính trị xã Thanh Liệt tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/86 - gọi tắt là Thanh Liệt.

Phong tục thôn Sơn Tượng, định bản năm Duy Tân 1 (1907), ký hiệu AF.a2/10, gọi tắt là Sơn Tượng.

Phong tục thôn Thượng xã Mễ Trì tổng Dịch Vọng huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1917, ký hiệu HUN280 - gọi tắt là Thượng/280.

Phong tục thôn Thượng xã Tử Dương phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông, định bản năm 1916, ký hiệu HUN513 - gọi tắt là Thượng/513.

Phong tục vạ Hạ Trì xã Hạ Trì tổng Hạ Trì huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, sao năm 1913, ký hiệu AF.a2/58 - gọi tắt là Hạ Trì.

Phong tục xã Thụy Phương tổng Phú Gia 14 huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1915, ký hiệu AF.a2/63 - gọi tắt là Thụy Phương.

Phong tục xã Yên Sở tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, định bản năm 1914, ký hiệu AF.a2/15 - gọi tắt là Yên Sở.

Phong tục xã Giang Xá tổng Kim Thià huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, định bản năm 1912, ký hiệu AF.a2/20 - gọi tắt là Giang Xá.

Phong tục xã Tiền Lệ tổng Đắc Sở huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, định bản năm 1910, ký hiệu AF.a2/19 - gọi tắt là Tiền Lệ.

Phong tục xã Dương Liễu tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, năm định bản 1914, ký hiệu HUN142 - gọi tắt là Dương Liễu/142.

Phong tục xã Dương Liễu tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, năm định bản 1914, ký hiệu HUN142 - gọi tắt là Dương Liễu/142.

Phong tục xã Thanh Diềm tổng Thọ Lão huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, không rõ năm định bản, ký hiệu HUN182 - gọi tắt là Thanh Diềm/182.

Phong tục xã Văn Phú tổng Phú Lãm phủ Thanh Oai tỉnh Hà Đông, định bản năm 1916, ký hiệu HUN341 - gọi tắt là Văn Phú.

---

<sup>14</sup> Nguyễn văn viết làm thành Gia Phú.

Phong tục xã Ứng Hòa tổng Mỹ Lâm huyện Phú Xuyên phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, định bản năm 1917, ký hiệu HUN352 - gọi tắt là Ứng Hòa/352.

Phong tục xã Đại Cát tổng Hạ Trì huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1856, ký hiệu AF.a2/58 - gọi tắt là Đại Cát 1.

Phong tục xã Hoàng Xá tổng Hạ Trì huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1860, ký hiệu AF.a2/59 - gọi tắt là Hoàng Xá 2.

Phong tục xã Phú Gia tổng Phú Gia huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1910, ký hiệu AF.a2/63 - gọi tắt là Phú Gia.

Phong tục xã Phú Gia tổng Phú Gia huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, định bản năm 1910, ký hiệu AF.a2/63 - gọi tắt là Quán La.

Sổ phong tục thôn Lưu Xá xã Hoàng Lưu tổng Trì Chỉ huyện Phú Xuyên phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, năm định bản 1917, ký hiệu HUN551 - gọi tắt là Lưu Xá.

Toan Ảnh. (1991). *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam*, quyển thượng, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

Trung văn Đại từ điển Biên soạn Ủy viên hội 中文大辭典編纂委員會. (1973). «中文大辭典». *Trung văn Đại từ điển*. 中國文化研究所印行. Trung Quốc Văn hóa Nghiên cứu sở ấn hành. t.7.

Tục lệ thôn Giáp Lục tổng Thịnh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, định bản năm Quý Sửu, ký hiệu AF.a2/89 - gọi tắt là Giáp Lục 1.

Tục lệ thôn Hạ xã Thịnh Đức tổng Thịnh Đức Hạ huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, không niên hiệu, ký hiệu AF.a2/44 - gọi tắt là Hạ/44 - 1.

Tục lệ thôn Thượng xã Hoàng Lưu huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, không rõ năm định bản, ký hiệu AF.a2/46 - gọi tắt là Thượng/46.

Tục lệ thôn Trì Lễ xã Bất Náo huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, định bản năm 1908, ký hiệu AF.a2/41 - gọi tắt là Trì Lễ.

Tục lệ thôn Vực xã Vân Hoàng huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, không rõ năm định bản, ký hiệu AF.a2/47, gọi tắt là Thôn Vực.

Tục lệ xã Viên Hoàng huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, định bản năm 1909, ký hiệu AF.a2/38 - gọi tắt là Viên Hoàng.

Tục lệ xã Khai Thái tổng Khai Thái huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, không niên hiệu, ký hiệu AF.a2/40 - gọi tắt là Khai Thái.

Tục lệ xã Thịnh Đức Thượng huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, không niên hiệu, ký hiệu AF.a2/44 - gọi tắt là Thịnh Đức Thượng.

Tục lệ xã Lai Xá tổng Kim Thià huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, định bản năm 1912, ký hiệu AF.a2/20 - gọi tắt là Lai Xá.

Tục lệ xã Từ Thuận huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Đông, định bản năm 1908, ký hiệu AF.a2/45 - gọi tắt là Từ Thuận.

Tục lệ xã Dương Liễu tổng Dương Liễu huyện Đan Phượng tỉnh Hà Đông, định bản năm 1914, ký hiệu AF.a2/11 - gọi tắt là Dương Liễu/2/11.

Tục lệ xã Vĩnh Thị tổng Vĩnh Ninh huyện Thanh Trì phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, định bản năm 1915, ký hiệu HUN356 - gọi tắt là Vĩnh Thị.

Tục lệ xã Huỳnh Cung tổng Cổ Điền huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, định bản năm 1908, ký hiệu AF.a2/80 - gọi tắt là Huỳnh Cung/2/80.

Tục lệ xã Đồng Nhân tổng Thanh Trì huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, định bản năm 1910, ký hiệu AE.a2/87 - gọi tắt là Đồng Nhân.

Tục lệ xã Khuyến Lương tổng Thanh Trì huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/87 - gọi tắt là Khuyến Lương.

Tục lệ xã Nam Dư Thượng tổng Thanh Trì huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, định bản năm 1909, ký hiệu AF.a2/87 - gọi tắt là Nam Dư Thượng.

Tục lệ xã Thanh Trì huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, ký hiệu AF.a2/87 - gọi tắt là Thanh Trì.

Vũ Duy Mền. (2019). *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ*. Nxb. Khoa học xã hội.